HIỆP ĐỊNH

TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ

GIỮA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CỘNG HOÀ DÂN CHỦ VÀ NHÂN DÂN AN-GIÊ-RI

HIỆP ĐỊNH
TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ
GIỮA
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CỘNG HOÀ DÂN CHỦ VÀ NHÂN DÂN AN-GIÊ-RI

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà dân chủ và nhân dân An-giê-ri, dưới đây gọi tắt là "các Bên",

Thừa nhận sự cần thiết hỗ trợ lẫn nhau về tương trợ tư pháp trọng phòng, chống tội phạm với mọi hình thức;

Với mong muốn tăng cường hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự;

Đã thoả thuận như sau:

Điều 1
Phạm vi áp dụng

1. Các Bên dành cho nhau sự tương trợ ở mức tối đa có thể, phù hợp với các quy định của Hiệp định này về các vấn đề có liên quan đến hình sự.

2. Tương trợ gồm có:

a) Lấy lời khai của người làm chứng;

b) Cung cấp tài liệu, hồ sơ và các vật chứng khác;

c) Tống đạt giấy tờ;

d) Xác định địa điểm hoặc nhận dạng người;

e) Chuyển giao tạm thời người đang bị giam giữ để lấy lời khai;

f) Thực hiện yêu cầu khám xét và thu giữ;

g) Nhận dạng, định vị, phong tỏa, tịch thu tài sản do phạm tội mà có và trợ giúp trong các thủ tục tố tụng có liên quan;

h) Gửi trả lại tài sản;

i) Các hoạt động tương trợ khác theo sự thỏa thuận giữa hai Bên.

Điều 2
Cơ quan trung ương

1. Cơ quan trung ương sẽ được hai Bên chỉ định.

a) Đối với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Cơ quan trung ương là Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

b) Đối với Cộng hòa dân chủ và nhân dân An-giê-ri, Cơ quan trung ương là Bộ Tư pháp.

2. Mỗi Bên sẽ thông báo cho Bên kia về việc thay đổi Cơ quan trung ương của mình.

3. Các yêu cầu nhằm thực hiện Hiệp định này được chuyển giao trực tiếp giữa Cơ quan trung ương.

4. Trong trường hợp khẩn cấp, yêu cầu tương trợ có thể được chuyển qua kênh Cảnh sát hình sự quốc tế (Interpol).

Điều 3
Hình thức và nội dung của yêu cầu tương trợ

1. Yêu cầu tương trợ phải được lập thành văn bản. Trong trường hợp khẩn cấp, Bên được yêu cầu có thể chấp nhận một yêu cầu tương trợ theo một hình thức khác nhưng sau đó phải được xác nhận bằng văn bản.

2. Yêu cầu tương trợ phải gồm có:

a) Tên của cơ quan yêu cầu và cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra hoặc cơ quan tư pháp có liên quan đến yêu cầu tương trợ;

b) Vụ việc và mục đích của yêu cầu;

c) Miêu tả vụ việc phạm tội;

d) Văn bản pháp luật hình sự được áp dụng;

3. Yêu cầu cũng có thể bao gồm:

a) Nhận dạng, ngày sinh, nơi cư trú của người là đối tượng thu thập chứng cứ;

b) Nhận dạng, ngày sinh và nơi cư trú của người được tống đạt;

c) Thông tin về nhận dạng và nơi ở của người được nhận dạng và các tài sản bị tịch thu;

d) Văn bản mô tả chi tiết về địa điểm cần được khám xét và các đồ vật cần thu giữ;

e) Văn bản mô tả về cách thức lấy và lưu giữ lời khai;

f) Văn bản các câu hỏi của người làm chứng hoặc nhà chuyên môn;

g) Văn bản mô tả về thủ tục đặc biệt để thực hiện yêu cầu;

h) Các yêu cầu về bảo mật;

i) Các thông tin khác phải được thông báo cho Bên được yêu cầu để tạo thuận lợi cho việc thực hiện yêu cầu.

Điều 4
Từ chối tương trợ

1. Yêu cầu tương trợ bị từ chối nếu:

a) Việc thực hiện yêu cầu xâm phạm đến chủ quyền, an ninh hoặc trật tự công cộng;

b) Yêu cầu liên quan đến một hành vi phạm tội mà đối với hành vi đó có một người đang bị điều tra, truy tố hoặc đã bị kết án hoặc được tuyên là không có tội tại Bên được yêu cầu;

c) Yêu cầu liên quan đến một tội phạm mà Bên được yêu cầu cho rằng đó là tội phạm quân sự;

d) Yêu cầu liên quan đến tội phạm mà Bên được yêu cầu coi đó là tội phạm chính trị, nhưng không được coi tội phạm khủng bố là tội phạm chính trị;

e) Nguyên tắc tội phạm kép không được tôn trọng;

2. Trước khi từ chối một yêu cầu tương trợ tư pháp, thông qua Cơ quan trung trương, Bên được yêu cầu phải:

a) Thông báo ngay cho Bên yêu cầu về lý do mà yêu cầu tương trợ tư pháp bị từ chối;

b) Trao đổi với Bên yêu cầu để nghiên cứu khả năng cung cấp sự hỗ trợ trong điều kiện và thời hạn mà Bên được yêu cầu thấy cần thiết.

3. Nếu Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu từ chối tương trợ thì phải thông báo cho Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu về lý do từ chối.

Điều 5
Thực hiện yêu cầu

1. Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu sẽ thực hiện ngay yêu cầu tương trợ theo luật pháp của mình.

2. Nếu Bên yêu cầu có yêu cầu khẩn cấp thì Bên được yêu cầu phải được thông báo về thời gian và địa điểm thực hiện yêu cầu tương trợ.

3. Nếu Bên được yêu cầu đồng ý thì các cơ quan hoặc người có liên quan của Bên yêu cầu có thể hỗ trợ các cơ quan chức năng của Bên được yêu cầu khi thực hiện yêu cầu.

4. Nếu Bên yêu cầu yêu cầu khẩn cấp về một thủ tục tư pháp thì Bên được yêu cầu sẽ đáp ứng nếu phù hợp với pháp luật của mình.

5. Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu sẽ thông báo ngay cho Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu về kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ.

Điều 6
Bảo mật

1. Theo yêu cầu của một trong các Bên:

a) Bên được yêu cầu có trách nhiệm bảo mật yêu cầu tương trợ về nội dung và tài liệu kèm theo. Nếu yêu cầu không thể được thực hiện mà không làm lộ bí mật, thì Bên được yêu cầu phải thông báo ngay cho Bên yêu cầu biết về việc thực hiện yêu cầu hay không.

b) Bên yêu cầu duy trì tính bảo mật của chứng cứ và các thông tin được cung cấp để phục vụ yêu cầu điều tra và tố tụng tư pháp.

2. Nếu không được sự đồng ý của Bên được yêu cầu thì Bên yêu cầu chỉ được sử dụng và chuyển giao thông tin, vật chứng để phục vụ tố tụng như được thông báo trong yêu cầu tương trợ.

Điều 7
Lấy lời khai trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu

1. Những người có mặt trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu để lấy lời khai có thể phải có mặt theo giấy triệu tập hoặc một hình thức khác mà pháp luật của Bên được yêu cầu cho phép.

2. Nếu một người được yêu cầu để làm chứng hoặc cung cấp thông tin trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật Bên đó. Nếu người này được miễn trừ hoặc không có năng lực hành vi hoặc ưu đãi khác do pháp luật của Bên yêu cầu quy định thì Bên được yêu cầu phải thông báo cho Bên yêu cầu biết.

3. Khi có yêu cầu tương trợ tư pháp thì Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu phải thông báo về thời gian và địa điểm thu thập chứng cứ.

Điều 8
Lấy lời khai trên lãnh thổ của Bên yêu cầu

1. Nếu Bên yêu cầu thấy rằng việc triệu tập người làm chứng hoặc người giám định để làm chứng trước các cơ quan có thẩm quyền về hình sự là cần thiết, thì phải thông báo yêu cầu đó hoặc yêu cầu tương trợ và Bên được yêu cầu phải thông báo cho Bên yêu cầu về kết quả của việc thực hiện yêu cầu đó.

2. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, trong đề nghị triệu tập cần nêu rõ dự trù kinh phí phải trả cho người được triệu tập, cũng như chi phí đi lại và lưu trú phải trả cho người này. Nếu có thể được, người làm chứng có thể nhận trước một phần hoặc toàn bộ chi phí đi lại thông qua cơ quan lãnh sự của Bên yêu cầu.

3. Người làm chứng hoặc người giám định dù thuộc quốc tịch nào khi tự nguyện đến trước toà thì cũng không bị truy tố hoặc bắt giữ về những hành vi phạm tội hoặc xét xử trước đó.

4. Sự miễn trừ này sẽ chấm dứt sau 15 ngày, kể từ khi kết thúc việc lấy lời khai, nếu người làm chứng hoặc người giám định không rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu.

5. Nếu người làm chứng hoặc người giám định không có mặt theo giấy triệu tập, áp dụng những điều khoản của Hiệp định này thì người này sẽ không bị trừng phạt ngay cả khi trong giấy triệu tập ghi rõ là người đó bắt buộc phải có mặt nếu không sẽ bị bắt giữ hoặc trừng phạt.

Điều 9
Chuyển giao tạm thời người đang bị giam giữ

1. Theo đề nghị của Bên yêu cầu, một người đang bị giam giữ trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu sẽ được chuyển giao sang lãnh thổ Bên yêu cầu nếu việc có mặt trực tiếp của người đó với tư cách là người làm chứng hoặc để giúp cho quá trình tiến hành tố tụng hình sự là cần thiết và nếu người đó và Bên được yêu cầu đồng ý với việc chuyển giao đó.

2. Mục đích nhằm thực hiện Điều này:

a) Người được chuyển giao sẽ bị tạm giữ trên lãnh thổ của Bên yêu cầu trừ khi Bên được yêu cầu cho phép trả tự do cho người đó;

b) Bên yêu cầu phải trao trả người được chuyển giao đang bị giam giữ cho Bên được yêu cầu ngay khi sự việc kết thúc;

c) Khi người bị giam giữ như trong quy định của điều khoản này đã hết thời hạn tù và phải được trả tự do tại Bên yêu cầu thì sẽ được đối xử như quy định tại Điều 8 của Hiệp định này.

d) Thời hạn giam giữ trên lãnh thổ của Bên yêu cầu sẽ được tính vào thời hạn giam giữ mà người đó có nghĩa vụ phải thực hiện trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu.

Điều 10
Miễn hợp pháp hoá

Các giấy tờ và tài liệu được chuyển giao để thực hiện Hiệp định này sẽ được miễn mọi thủ tục hợp pháp hóa. Tuy nhiên, trên những giấy tờ, tài liệu này cần phải có chữ ký và con dấu chính thức của nhà chức trách có thẩm quyền cấp những giấy tờ, tài liệu này.

Điều 11
Chuyển giao tài liệu

1. Theo pháp luật của mình, Bên được yêu cầu phải chuyển giao các tài liệu cho Bên yêu cầu.

2. Việc chuyển giao giấy triệu tập phải được gửi cho Bên được yêu cầu chậm nhất là 60 ngày trước ngày ấn định triệu tập. Trong trường hợp khẩn cấp, Bên được yêu cầu có thể từ chối thời hạn này.

3. Bên được yêu cầu sẽ tiến hành chuyển giao theo hình thức phù hợp với pháp luật của mình. Trường hợp Bên yêu cầu có đề nghị khác nhưng không trái với pháp luật của Bên được yêu cầu thì có thể tiến hành chuyển giao theo hình thức mà Bên yêu cầu đề nghị.

4. Bên được yêu cầu chuyển giao cho Bên yêu cầu những chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ việc, hình thức, ngày chuyển giao và trong trường hợp đó thì phải có biên nhận ghi rõ ngày, tháng và được Bên yêu cầu ký. Trong trường hợp việc chuyển giao không được thực hiện thì Bên yêu cầu phải được thông báo ngay về lý do.

Điều 12
Thu giữ và khám xét

1. Trong khuôn khổ pháp luật của mình và trên cơ sở xem xét quyền lợi chính đáng của Bên thứ ba có liên quan, Bên được yêu cầu sẽ tiến hành các yêu cầu thu giữ, khám xét và chuyển giao mọi vật chứng thu được cho Bên yêu cầu.

2. Bên yêu cầu phải tuân thủ tất cả các điều kiện do Bên được yêu cầu đưa ra liên quan đến tài liệu, vật chứng đã được thu giữ để chuyển giao.

Điều 13
Trao trả vật chứng, tài liệu hoặc hồ sơ cho Bên được yêu cầu

Tất cả các vật chứng kể cả hồ sơ hoặc tài liệu bản gốc được cung cấp cho Bên yêu cầu sẽ được gửi trả lại cho Bên được yêu cầu.

Điều 14
Tương trợ trong khuôn khổ tố tụng về phong toả, thu giữ và tịch thu

1. Các Bên đồng ý tương trợ tố tụng hình sự liên quan đến việc nhận dạng, định vị, phong toả hoặc tịch thu các đồ vật và công cụ dùng để thực hiện tội phạm theo luật pháp hiện hành của Bên được yêu cầu.

2. Ngoài quy định tại Điều 3 Hiệp định này, liên quan đến một yêu cầu tương trợ tố tụng về phong toả, tịch thu, thu giữ phải gồm có:

a) Thông tin về tài sản mà tương trợ yêu cầu;

b) Nơi có tài sản;

c) Mối quan hệ giữa tài sản và hoạt động tội phạm;

d) Các thông tin về lợi nhuận của Bên thứ ba về tài sản đó;

e) Bản sao có chứng thực về quyết định tịch thu, phong toả và các quyết định của các cơ quan tư pháp.

3. Các quy định tại Điều này không được gây tổn hại đến quyền lợi của Bên thứ ba.

Điều 15
Trao trả lại tài sản

1. Khi một hành vi phạm tội đã được thực hiện và một bản án đã được tuyên trên lãnh thổ Bên yêu cầu, những tài sản được Bên được yêu cầu thu giữ có thể được chuyển trả cho Bên yêu cầu vì mục đích tịch thu phù hợp với pháp luật quốc gia của Bên được yêu cầu.

2. Các quy định của Hiệp định này không được gây tổn hại đến quyền lợi của Bên thứ ba.

3. Việc trao trả tài sản chỉ được thực hiện khi đã có một phán quyết cuối cùng được tuyên trên lãnh thổ Bên yêu cầu.

Điều 16
Trả lại tài sản công bị chiếm đoạt

1. Khi Bên được yêu cầu tiến hành thu giữ hoặc tịch thu tài sản công và dù những tài sản này là đối tượng của hoạt động rửa tiền hay không và đã bị chiếm đoạt ở Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu trả lại các tài sản đã tịch thu hoặc thu giữ để khấu trừ vào chi phí thực hiện ở Bên yêu cầu.

2. Việc trao trả tài sản chỉ được thực hiện khi đã có một phán quyết cuối cùng được tuyên trên lãnh thổ Bên yêu cầu.

Điều 17
Chi phí

1. Tất cả các chi phí thông thường sẽ do Bên được yêu cầu chịu trách nhiệm, trừ các trường hợp sau sẽ do Bên yêu cầu chịu trách nhiệm:

a) Chi phí đi lại và chi phí có liên quan đối với người làm chứng, người giám định, người bị giam giữ khi chuyển họ sang Bên yêu cầu phù hợp với các quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Hiệp định này.

b) Chi phí liên quan đến quá trình giám định.

2. Trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp, nếu có các chi phí đặc biệt phát sinh, hai Bên sẽ thoả thuận để xác định các yêu cầu và nguyên tắc thực hiện.

Điều 18
Trao đổi thông tin tư pháp

Cơ quan trung ương sẽ trao đổi cho nhau, theo yêu cầu, các văn bản quy phạm pháp luật về hình sự và thông tin tư pháp liên quan đến tội phạm nhằm triển khai Hiệp định này tại mỗi Bên.

Điều 19
Ngôn ngữ

Yêu cầu tương trợ tư pháp và các văn bản, tài liệu kèm theo được soạn thảo bằng ngôn ngữ của Bên yêu cầu kèm theo bản dịch bằng ngôn ngữ của Bên được yêu cầu hoặc tiếng Pháp hoặc tiếng Anh.

Điều 20
Mối quan hệ với các điều ước khác

Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng đến các nghĩa vụ khác theo các điều ước hoặc thoả thuận quốc tế khác mà hai Bên là thành viên.

Điều 21
Tham vấn

Các Bên có thể tham vấn, theo đề nghị của một trong hai Bên, liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này trên bình diện chung hoặc trong từng vụ việc cụ thể.

Điều 22
Áp dụng

Hiệp định này cũng áp dụng đối với các hành vi phạm tội trước ngày Hiệp định này có hiệu lực.

Điều 23
Phê chuẩn và hiệu lực

1. Hiệp định này sẽ được phê chuẩn theo pháp luật hiện hành của mỗi Bên. Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau 30 ngày kể từ khi trao đổi văn kiện phê chuẩn.

2. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vô thời hạn.

Điều 24
Sửa đổi và chấm dứt Hiệp định

1. Hiệp định này có thể được sửa đổi. Việc sửa đổi sẽ có hiệu lực trong những điều kiện được thiết lập để thực hiện Hiệp định này.

2. Mỗi Bên ký kết có thể chấm dứt Hiệp định vào bất kỳ thời điểm nào bằng thông báo qua đường ngoại giao. Việc chấm dứt này có hiệu lực sau (06) tháng kể từ ngày Bên kia nhận được thông báo về quyết định này.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây được Nhà nước của mình ủy quyền đầy đủ đã ký Hiệp định này.

Làm tại An-giê, ngày 14 tháng 4 năm 2010, thành hai bản gốc bằng tiếng Việt, tiếng Ảrập và tiếng Pháp, tất cả các văn bản đều có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Pháp sẽ được dùng làm cơ sở để đối chiếu.

THAY MẶT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**THAY MẶT CỘNG HÒA DÂN CHỦ VÀ NHÂN DÂN AN-GIÊ-RI**

Điều 23
Phê chuẩn và hiệu lực

1. Hiệp định này sẽ được phê chuẩn theo pháp luật hiện hành của mỗi Bên. Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau 30 ngày kể từ khi trao đổi văn kiện phê chuẩn.

2. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vô thời hạn.

Điều 24
Sửa đổi và chấm dứt Hiệp định

1. Hiệp định này có thể được sửa đổi. Việc sửa đổi sẽ có hiệu lực trong những điều kiện được thiết lập để thực hiện Hiệp định này.

2. Mỗi Bên ký kết có thể chấm dứt Hiệp định vào bất kỳ thời điểm nào bằng thông báo qua đường ngoại giao. Việc chấm dứt này có hiệu lực sau (06) tháng kể từ ngày Bên kia nhận được thông báo về quyết định này.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây được Nhà nước của mình ủy quyền đầy đủ đã ký Hiệp định này.

Làm tại An-giê, ngày 14 tháng 4 năm 2010, thành hai bản gốc bằng tiếng Việt, tiếng Ảrập và tiếng Pháp, tất cả các văn bản đều có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Pháp sẽ được dùng làm cơ sở để đối chiếu.

THAY MẶT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**THAY MẶT CỘNG HÒA DÂN CHỦ VÀ NHÂN DÂN AN-GIÊ-RI**
HÀ HÙNG CƯỜNG **Bộ trưởng Bộ Tư pháp**	**Tayeb BELAIZ** **Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chưởng Ấn**

CONVENTION

RELATIVE A L'ENTRAIDE JUDICIAIRE

EN MATIERE PENALE

ENTRE

LA REPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIETNAM

ET

LA REPUBLIQUE ALGERIENNE DEMOCRATIQUE ET POPULAIRE

la République Socialiste du Vietnam,

Et

La République Algérienne Démocratique et Populaire,

Dénommées ci-après les "Parties ",

Reconnaissant la nécessité de s'accorder mutuellement l'entraide judiciaire la plus large dans la lutte contre la criminalité sous toutes ses formes,

Désireuses de renforcer la coopération entre les deux pays dans le domaine de l'entraide judiciaire en matière pénale,

Sont convenues de ce qui suit:

Article Premier
Champ d'application

1° Les Parties s'accordent mutuellement, selon les dispositions de la présente Convention, l'entraide la plus large possible en matière pénale dans toutes procédures relatives à des infractions, qui lors de la demande d'entraide, relèvent de la compétence des autorités judiciaires de la Partie requérante.

2° L'entraide comprend:

a) le recueil de témoignages;

b) la fourniture de documents, dossiers et d'autres éléments de preuve;

c) la remise d'actes judiciaires;

d) la localisation ou l'identification de personnes;

e) le transfert provisoire de personnes détenues en qualité de témoins ;

f) l'exécution des demandes de perquisition et de saisie;

g) l'identification, la localisation, le gel ou la saisie, la confiscation et la disposition des produits du crime et l'entraide accordée dans la procédure y afférente;

h) le renvoi des avoirs ;

i) Toute autre entraide qui peut être convenue entre les Parties.

Article 2
Autorités centrales

1° Les Autorités centrales sont désignées par les Parties.

a) Pour la République Socialiste du Vietnam, l'Autorité centrale est le Parquet Populaire Suprême.

b) Pour la République Algérienne Démocratique et Populaire, l'Autorité centrale est le Ministère de la Justice.

2° Chaque Partie notifiera à l'autre tout changement de son Autorité centrale.

3° Les demandes présentées en vertu de la présente Convention sont transmises directement par l'Autorité centrale de la Partie requérante à l'Autorité centrale de la Partie requise

4°. En cas d'urgence, les demandes peuvent être transmises par l'intermédiaire de l'Organisation internationale de la police criminelle (Interpol).

Article 3
Forme et contenu de la demande d'entraide judiciaire

1° Toute demande d'entraide doit être présentée par écrit. En cas d'urgence, la Partie requise peut accepter une demande dans une autre forme laissant une trace écrite, mais une telle demande sera par la suite promptement confirmée par le document original.

2° La demande doit comprendre ce qui suit :

a) le nom de l'institution requérante et l'autorité compétente en charge de l'enquête ou de la procédure judiciaire auxquelles se rapporte la demande ;

b) l'objet et le motif de la demande;

c) la description des faits allégués ;

d) le texte de loi pénale applicable en la matière;

3° la demande comprend également le cas échéant et dans la mesure du possible :

a) l'identité, la date de naissance et le lieu où se trouve toute personne dont le témoignage est requis;

b) l'identité, la date de naissance et le lieu où se trouve une personne devant recevoir

l'acte judiciaire ;

c) les informations sur l'identité et le lieu où se trouve une personne devant être localisée;

d) la description précise du lieu devant être perquisitionné et des biens devant être saisis;

e) la description du mode selon lequel un témoignage ou une déclaration doit être prise et enregistrée;

f) les questions devant être posées à un témoin ou à un expert ;

g) la description de la procédure particulière devant être suivie lors de l'exécution de la demande;

h) les exigences sur la confidentialité.

i) toutes autres informations pouvant être portées à la connaissance de la Partie requise pour lui faciliter l'exécution de la demande.

Article 4
Refus de l'entraide judiciaire

1° L'entraide est refusée si :

a) La Partie requise estime que l'exécution de la demande d'entraide porterait atteinte à la souveraineté, à la sécurité nationale ou à l'ordre public;

b) La demande se rapporte à une infraction pour laquelle la personne est poursuivie, fait l'objet d'une enquête, condamnée ou acquittée dans la Partie requise;

c) L'infraction pour laquelle l'entraide est demandée consiste uniquement en la violation d'obligations militaires;

d) La demande se rapporte à une infraction considérée par la Partie requise comme une infraction politique. Toutefois, ne sont pas considérées comme infractions politiques les infractions terroristes ;

e) Le principe de la double incrimination n'est pas respecté.

2° Avant d'opposer un refus, à une demande d'entraide, la Partie requise doit, par le biais de son Autorité centrale :

a) Informer immédiatement la Partie requérante des motifs pour lesquels la demande d'entraide a été refusée ;

b) Se concerter avec la Partie requérante afin d'étudier la possibilité d'octroyer l'aide dans les délais et conditions que la Partie requise estimera nécessaires.

3° Si l'Autorité centrale de la Partie requise refuse l'entraide, elle doit informer l'Autorité centrale de la Partie requérante des motifs du refus.

Article 5
Exécution des demandes d'entraide judiciaire

1° L'Autorité centrale de la Partie requise fait exécuter conformément à sa législation, les demandes d'entraide qui lui sont adressées par l'Autorité centrale de la Partie requérante.

2° Si la Partie requérante le demande expressément, la Partie requise l'informe de la date et du lieu d'exécution de la demande d'entraide.

3° Si la Partie requise y consent, les autorités et personnes mises en cause de la Partie requérante pourront assister les autorités compétentes de la Partie requise lors de l'exécution de la demande.

4° Si la Partie requérante demande expressément qu'un acte soit exécuté selon une forme spéciale, la Partie requise donnera suite à sa demande dans la mesure où elle est compatible avec sa législation.

5° L'Autorité centrale de la Partie requise informe promptement l'Autorité centrale de la Partie requérante de l'issue de l'exécution de la demande.

Article 6
Protection de la confidentialité

1° Sur demande de l'une des Parties :

a) La Partie requise s'efforcera de faire de son mieux pour protéger la confidentialité de la demande d'entraide judiciaire, sur sa teneur et les pièces à l'appui et sur le fait même de l'entraide. S'il n'est pas possible d'exécuter la demande sans rompre le secret, la Partie requise en informera la Partie requérante, qui décidera alors si elle maintient sa demande ;

b) La Partie requérante maintiendra la confidentialité des témoignages et des renseignements fournis par la Partie requise, pour autant que le permettent les besoins de l'enquête et de la procédure spécifiées dans la demande.

2° La Partie requérante ne peut, sans le consentement de la Partie requise, utiliser ou transmettre des renseignements ou des preuves fournies par la Partie requise que pour les besoins de l'enquête et de la procédure énoncées dans la demande.

Article 7
Témoignage sur le territoire de la Partie requise

1° Toute personne se trouvant sur le territoire de la Partie requise et dont le témoignage est demandé en application de la présente Convention, peut être obligée par une citation à comparaître ou par toute autre forme permise par la loi de la Partie requise

aux fins de témoigner ou de fournir des documents, des dossiers ou autres éléments de preuve.

2° Une personne à laquelle il est demandé de témoigner ou de présenter des informations, documents ou dossiers sur le territoire de la Partie requise peut être mise dans l'obligation de s'exécuter conformément aux conditions prévues par la loi de la Partie requise. Si cette personne fait valoir des prétentions relatives à une immunité, une incapacité ou un privilège prévu par la loi de la Partie requérante, le témoignage doit néanmoins être pris et les prétentions doivent être portées à la connaissance de la Partie requérante.

3° Lorsqu'une demande à cet effet est présentée, l'Autorité centrale de la Partie requise doit préalablement informer en temps utile de la date et du lieu du témoignage.

Article 8
Témoignage sur le territoire de la Partie requérante

1° Si la Partie requérante estime que la comparution personnelle d'un témoin ou d'un expert devant ses autorités compétentes, pour témoigner dans une affaire pénale, est nécessaire, elle en fait mention dans la demande de remise de la citation, ou dans la demande d'entraide pour une enquête relative à une affaire pénale et la Partie requise en informe le témoin ou l'expert. La Partie requise fait connaître à la Partie requérante la réponse du témoin ou de l'expert.

2° Dans le cas prévu au paragraphe 1er du présent article, la demande ou la citation doit mentionner le montant approximatif des indemnités à verser, ainsi que des frais de voyage et de séjour à rembourser. S'il y a lieu, le témoin peut recevoir, par l'intermédiaire des autorités consulaires de la Partie requérante, l'avance d'une partie ou de la totalité de ses frais de voyage.

3° Aucun témoin ou expert, quelle que soit sa nationalité, qui, cité dans l'une des Parties, se présentera volontairement devant les juridictions de l'autre Partie, ne pourra être poursuivi ou détenu, pour des faits ou en exécution des jugements antérieurs à son départ du territoire de la Partie requise.

4° Toutefois, cette immunité cessera (15) quinze jours après la date à laquelle l'audition a eu lieu, si le témoin ou l'expert n'a pas quitté le territoire de la Partie requérante alors qu'il en avait la possibilité.

5° Le témoin ou l'expert qui n'a pas déféré à une citation à comparaître, dont la remise a été demandée ou effectuée en application de la présente Convention, ne peut être soumis à aucune sanction ou mesure de contrainte, alors même que cette citation contiendrait des injonctions.

Article 9
Transfèrement temporaire des personnes détenues

1° A la demande de la Partie requérante et si la Partie requise et la personne détenue y consentent, ladite personne se trouvant sur le territoire de la Partie requise dont la

comparution personnelle en qualité de témoin ou pour aider dans une procédure pénale est nécessaire, sera transférée sur le territoire de la Partie requérante.

2° Aux fins du présent article :

a) La personne transférée sera maintenue en détention sur le territoire de la Partie requérante à moins que la Partie requise ne l'autorise à la remettre en liberté.

b) La Partie requérante devra renvoyer la personne transférée à la Partie requise dès que les circonstances le permettent.

c) Lorsque la personne transférée, conformément au présent article, a purgé sa peine alors qu'elle se trouvait dans la Partie requérante, elle est remise en liberté et sera traitée selon les dispositions de l'article 8 de la présente Convention.

d) La durée passée dans la Partie requérante est prise en compte pour le calcul de l'exécution de la peine qui a été infligée à la personne dans la Partie requise.

Article 10
Dispense de légalisation

Les pièces et documents transmis en application de la présente Convention, sont dispensés de toute formalité de légalisation. Toutefois, ils doivent être revêtus de la signature et du Sceau officiel de l'autorité ayant qualité pour les délivrer.

Article 11
Remise des actes judiciaires

1° La Partie requise procède, conformément à sa législation, à la remise des actes qui lui sont envoyés à cette fin par la Partie requérante.

2° La demande de remise de tout document requérant la comparution d'une personne est adressée à la Partie requise au moins soixante (60) jours avant la date fixée pour la comparution. En cas d'urgence, la Partie requise peut renoncer à cette condition de délai.

3° La Partie requise procédera à la remise des documents conformément à sa législation nationale. Si la Partie requérante le demande expressément, la Partie requise et dans la mesure où sa loi le permet procède à l'exécution de la demande dans la forme demandée par la Partie requérante.

4° La Partie requise transmet à la Partie requérante la preuve de la remise des documents, mentionnant le fait, la forme et la date de la remise, le cas échéant, elle peut prendre la forme d'un récépissé daté et signé par le destinataire. Si la remise ne peut se faire, la Partie requérante en sera avisée sans délai et sera informée des motifs pour lesquels la remise n'a pu avoir lieu.

Article 12
Perquisitions et saisies

1° Dans la mesure où cela est compatible avec sa propre législation et à condition que les droits des tierces parties de bonne foi soient préservés, la Partie requise procédera à l'exécution des demandes de perquisitions, saisies et remises de tout objet à la Partie requérante qu'elle l'aura prié d'effectuer afin de recueillir des pièces à conviction.

2° La Partie requérante se conforme à toute condition imposée par la Partie requise quant aux documents et objets saisis et remis à la Partie requérante.

Article 13
Restitution d'objets, dossiers ou documents à la Partie requise

Les objets y compris les dossiers ou documents originaux fournis à la Partie requérante en application de la présente Convention seront renvoyés à la Partie requise dès que possible, à moins que cette dernière ne renonce à ce droit.

Article 14
Entraide dans le cadre des procédures de gel ou saisie et de confiscation

1° Les Parties s'accordent l'entraide lors des procédures se rapportant à l'identification, à la localisation, au gel ou saisie et à la confiscation des produits et instruments du crime conformément à la loi nationale de la Partie requise.

2° Outre les dispositions énoncées à l'article 3 ci-dessus, une demande d'entraide relative aux procédures de gel ou saisie et de confiscation doit également comprendre:

a) Les renseignements sur le bien à l'égard duquel l'entraide est demandée;
b) le lieu où est situé le bien ;

c) le lien entre le bien et les infractions s'il existe;

d) les renseignements sur les intérêts des tiers sur le bien;

e) la copie certifiée conforme de la décision du gel ou saisie ou la décision définitive de confiscation rendue par la juridiction ;

3° Aucune stipulation du présent article ne porte atteinte aux droits des tiers de bonne foi.

Article 15
Renvoi des avoirs

1° Lorsqu'une infraction a été commise et qu'une condamnation a été prononcée sur le territoire de la Partie requérante, les avoirs saisis par la Partie requise peuvent être

renvoyés à la Partie requérante aux fins d'une confiscation, conformément à la loi nationale de la Partie requise.

2° Aucune stipulation du présent article ne porte atteinte aux droits des tiers de bonne foi.

3° Le renvoi intervient, une fois que, sur le territoire de la Partie requérante, un jugement définitif est rendu.

Article 16
Renvoi des fonds publics détournés

1° Lorsque la Partie requise saisit ou confisque des avoirs représentant des fonds publics, que ceux-ci aient fait l'objet d'un blanchiment ou non, et qui ont été soustraits à la Partie requérante, la Partie requise renvoie les avoirs saisis ou confisqués, déduits des coûts de réalisation, à la Partie requérante.

2° Le renvoi intervient une fois que, sur le territoire de la Partie requérante, un jugement définitif est rendu.

Article 17
Frais de l'entraide judiciaire

1° Toutes les dépenses ordinaires pour l'exécution d'une demande d'entraide judiciaire seront à la charge de la Partie requise à l'exception de celles citées ci-après qui seront à la charge de la Partie requérante :

a) les frais de transport de toute personne de ou vers le territoire de la Partie requise ainsi que toutes dépenses ou frais dus à cette personne durant sa présence dans la Partie requérante selon la demande introduite conformément à l'article 8 ou 9 de la présente Convention ;

b) les frais des experts.

2° Si, durant l'exécution de la demande, des dépenses exceptionnelles sont occasionnées à cette fin, les Parties doivent se concerter pour établir les règles et conditions suivant lesquelles l'exécution de cette demande peut se poursuivre.

Article 18
Echange d'informations judiciaires

Les Autorités centrales des Parties échangeront, sur demande, les dispositions juridiques relatives à la matière pénale et les informations judiciaires concernant les infractions liées à l'application de la présente Convention.

Article 19
Langues de communication

Les demandes d'entraide judiciaire, ainsi que les pièces et documents à l'appui sont rédigés dans la langue de la Partie requérante accompagnés d'une traduction dans la langue de la Partie requise ou dans la langue française.

Article 20
Relations avec d'autres Traités

La présente Convention n'apportera pas de dérogation aux obligations découlant d'autres Traités ou Arrangements auxquels les deux Parties, sont signataires.

Article 21
Consultation

Les Parties se concerteront rapidement à la demande de l'une ou de l'autre concernant l'interprétation ou l'application de la présente Convention, soit en général, soit relativement à un cas particulier.

Article 22
Application

Les demandes présentées en application de la présente Convention s'appliquent également aux infractions commises avant son entrée en vigueur.

Article 23
Ratification et entrée en vigueur

1. La présente Convention sera ratifiée conformément aux dispositions constitutionnelles en vigueur dans chaque Partie. Elle entrera en vigueur trente (30) jours après l'échange des instruments de ratification.

2. La présente Convention demeurera en vigueur pour une durée illimitée.

Article 24
Amendements et dénonciation

1° La présente Convention peut être amendée. Les amendements entreront en vigueur dans les mêmes conditions établies pour la présente Convention.

2° Chacune des Parties peut dénoncer la présente Convention à tout moment par une notification adressée à l'autre Partie, par voie diplomatique. Cette dénonciation prendra effet six (06) mois après la date de notification à l'autre Partie de cette décision.

En foi de quoi, les soussignés, dûment habilités par leurs Etats respectifs, ont signé la présente Convention.

Fait à Alger, le 14 avril 2010, en double exemplaires originaux en langues vietnamienne, arabe et française, les trois textes faisant également foi. En cas de divergence dans l'interprétation, le texte français sera pris en considération.

POUR LA REPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIETNAM

HA HUNG CUONG
Ministre de la Justice

POUR LA REPUBLIQUE ALGERIENNE DEMOCRATIQUE ET POPULAIRE

Tayeb BELAIZ
Ministre de la Justice, Garde des Sceaux

اتفاقية تتعلق بالتعاون القضائي

في المجال الجزائي

بين

حكومة جمهورية

فيتنام الاشتراكية

و

حكومة الجمهورية الجزائرية

الديمقراطية الشعبية

إن حكومة جمهورية الفيتنام الاشتراكية ،

و

حكومة الجمهورية الجزائرية الديمقراطية الشعبية ،

المشار إليهما فيما يلي بـ:"الطرفيـن"،

اعترافا منهما بضرورة التعاون القضائي المتبادل الأوسع لمكافحة الجريمة بجميع أشكالها،

ورغبة منهما في تعزيز التعاون بين البلدين في ميدان التعاون القضائي في المجال الجزائي،

اتفقتا على ما يلي:

المادة الأولى
مجـال التطبيق

1- يتبادل الطرفان طبقا لأحكام هذه الاتفاقية التعاون الأوسع بقدر الإمكان في المجال الجزائي، في كل الإجراءات المتعلقة بالجرائم التي تكون من اختصاص السلطات القضائية للطرف الطالب وقت تقديم طلب التعاون.

2- يشمل التعاون ما يلي:

أ- تلقي الشهادات،

ب- تقديم الوثائق والملفات وأدلة إثبات أخرى،

ج- تسليم العقود القضائية،

د- تحديد مكان أو هوية الأشخاص،

ه- التحويل المؤقت للأشخاص المحبوسين بصفة شهود،

و- تنفيذ طلبات التفتيش والحجز،

ز- التعرف على عائدات الجريمة وتحديد مكانها وتجميدها أو حجزها ومصادرتها والتصرف فيها والتعاون في إطار الإجراءات المتصلة بذلك،

ح- استرداد الأموال،

ط- أي تعاون آخر يتفق عليه الطرفان.

المادة 2
السلطات المركزية

1- تعين السلطات المركزية من قبل الطرفين.

أ- بالنسبة لجمهورية فيتنام الاشتراكية، تتمثل السلطة المركزية في النيابة الشعبية العليا.

ب- بالنسبة للجمهورية الجزائرية الديمقراطية الشعبية، تتمثل السلطة المركزية في وزارة العدل.

2- يبلغ كل طرف الطرف الآخر بأي تغيير لسلطته المركزية.

3- ترسل الطلبات المقدمة بموجب هذه الاتفاقية مباشرة من السلطة المركزية للطرف الطالب إلى السلطة المركزية للطرف المطلوب منه التعاون.

4- في حالات الاستعجال، يجوز إرسال الطلبات عن طريق المنظمة الدولية للشرطة الجنائية (الأنتربول).

المادة 3
شكل ومحتوى طلب التعاون القضائي

1- يجب أن يقدم كل طلب للتعاون كتابيا. وفي حالة الاستعجال، يمكن للطرف المطلوب منه التعاون قبول الطلب في شكل آخر يترك أثرا مكتوبا، غير أنه ينبغي بعد ذلك تأكيد هذا الطلب فورا بالوثيقة الأصلية.

2- يجب أن يتضمن طلب التعاون ما يلي:

أ- اسم الهيئة الطالبة والسلطة المختصة المكلفة بالتحقيق أو الإجراء القضائي الذي يتعلق به الطلب،

ب- موضوع وأسباب الطلب،

ج- وصف للوقائع المنسوبة،

د- النص القانوني الجزائي المطبق.

3- كما يحتوي الطلب عند الاقتضاء، وفي حدود الإمكان، على :

أ- هوية وتاريخ الميلاد والمكان الذي يتواجد فيه الشخص المطلوب شهادته،

ب- هوية وتاريخ الميلاد والمكان الذي يتواجد فيه الشخص الذي يجب أن يستلم العقد القضائي،

ج- المعلومات الخاصة بهوية ومكان تواجد الشخص الذي يجب تحديد مكان تواجده،

د- وصف دقيق للمكان الواجب تفتيشه والممتلكات التي يجب حجزها،

هـ- وصف الكيفية التي يتم بها أخذ وتسجيل الشهادة أو التصريح،

و- الأسئلة التي ينبغي طرحها على الشاهد أو الخبير،

ز- وصف الإجراء الخاص الواجب إتباعه خلال تنفيذ الطلب،

ح- متطلبات السرية،

ط- أي معلومات أخرى تقدم إلى الطرف المطلوب منه التعاون لتسهل عليه تنفيذ الطلب.

المادة 4
رفض التعاون القضائي

1- يرفض التعاون إذا:

أ- اعتبر الطرف المطلوب منه التعاون أن تنفيذ طلب التعاون من شأنه المساس بالسيادة، بالأمن الوطني أو بالنظام العام.

ب- تعلق الطلب بجريمة يكون الشخص بشأنها محل متابعة أو تحقيق أو تمت إدانته أو تبرئته لدى الطرف المطلوب منه التعاون.

ج- كانت الجريمة التي طلب من أجلها التعاون تتمثل فقط في خرق التزامات عسكرية.

د- تعلق الطلب بجريمة يعتبرها الطرف المطلوب منه التعاون جريمة سياسية، غير أن الجرائم الإرهابية لا تعتبر جرائم سياسية.

ه- لم يتم إحترام مبدأ التجريم المزدوج.

2- قبل رفض طلب التعاون، يتعين على الطرف المطلوب منه التعاون وعن طريق سلطته المركزية أن يقوم بـــ:

أ- إعلام الطرف الطالب فورا بأسباب رفض طلب التعاون.

ب- التشاور مع الطرف الطالب من أجل دراسة إمكانية تقديم المساعدة وفق الآجال والشروط التي يراها الطرف المطلوب منه التعاون ضرورية.

3- إذا رفضت السلطة المركزية للطرف المطلوب منه التعاون تقديم التعاون، يجب عليها إعلام السلطة المركزية للطرف الطالب بأسباب الرفض.

المادة 5
تنفيذ طلبات التعاون القضائي

1- تقوم السلطة المركزية للطرف المطلوب منه التعاون وفقا لتشريعها بتنفيذ طلبات التعاون الموجهة لها من السلطة المركزية للطرف الطالب.

2- إذا تقدم الطرف الطالب بطلب صريح، يتعين على الطرف المطلوب منه التعاون إخطاره بتاريخ ومكان تنفيذ طلب التعاون.

3- إذا وافق الطرف المطلوب منه التعاون، يمكن للسلطات والأشخاص المعنية للطرف الطالب أن تساعد السلطات المختصة للطرف المطلوب منه التعاون أثناء تنفيذ الطلب.

4- إذا تقدم الطرف الطالب بطلب صريح يتضمن تنفيذ إجراء بكيفية خاصة، فان الطرف المطلوب منه التعاون يلبي هذا الطلب في حدود ما يوافق تشريعه.

5- تخطر السلطة المركزية للطرف المطلوب منه التعاون فورا السلطة المركزية للطرف الطالب، بالمآل المخصص لتنفيذ طلبها.

المادة 6
المحافظة على السرية

1- بناء على طلب أحد الطرفين :

أ- يبذل الطرف المطلوب منه التعاون، كل ما بوسعه للمحافظة على سرية طلب التعاون القضائي و مضمونه والوثائق المدعمة لـه، وحتى التعاون في حد ذاته. أما

إذا كان من غير الممكن تنفيذ الطلب دون إفشاء السرية، فعلى الطرف المطلوب منه التعاون إعلام الطـرف الطالب بذلك، حتى يتسنى لهذا الأخير أن يقرر ما إذا كان يتمسك بتنفيذ طلب التعاون.

ب- يجب على الطرف الطالب الحفاظ على سرية الشهادات والمعلومات المقدمة من قبل الطرف المطلوب منه التعاون، وذلك في حدود ما تسمح به مقتضيات التحقيق والإجراءات المحددة في الطلب.

2- لا يجوز للطرف الطالب أن يقوم دون موافقة الطرف المطلوب منه التعاون باستخدام أو إرسال معلومات أو أدلة مقدمة من قبل الطرف المطلوب منه التعاون إلا لغرض التحقيق أو الإجراءات المنصوص عليها في الطلب.

المادة 7
الشهادة في إقليم الطرف المطلوب منه التعاون

1- كل شخص يتواجد في إقليم الطرف المطلوب منه التعاون وتكون شهادته مطلوبة تطبيقا لهذه الاتفاقية، يجوز إلزامه عن طريق التكليف بالحضور أو بأي شكل آخر يسمح به قانون الطرف المطلوب منه التعاون، بالإدلاء بشهادته أو تقديم وثائق أو ملفات أو أدلة إثبات أخرى.

2- يجوز إلزام أي شخص مطلوب منه الإدلاء بشهادته أو تقديم معلومات أو وثائق أو ملفات في إقليم الطرف المطلوب منه التعاون، بتنفيذ ما طلب منه طبقا للشروط المنصوص

عليها في قانون الطرف المطلوب منه التعاون. إذا ادعى هذا الشخص التمتع بحصانة أو عجز أو امتياز يخوله له قانون الطرف الطالب، تؤخذ شهادته رغم ذلك ويخطر الطرف الطالب بادعاءاته.

3- عندما يقدم طلب لهذا الغرض، تقوم السلطة المركزية للطرف المطلوب منه التعاون بإعلام الطرف الطالب مسبقا، وفي الوقت المناسب، بتاريخ ومكان الإدلاء بالشهادة.

المادة 8
الشهادة في إقليم الطرف الطالب

1- إذا تبين للطرف الطالب ضرورة المثول الشخصي لشاهد أو خبير أمام سلطاته المختصة من أجل الإدلاء بشهادته في قضية جزائية، فإنه يشير إلى ذلك في طلب تسليم التكليف بالحضور أو في طلب التعاون من أجل تحقيق يتعلق بقضية جزائية ويخطر الطرف المطلوب منه التعاون الشاهد أو الخبير بذلك. كما يقوم الطرف المطلوب منه التعاون بإخبار الطرف الطالب بالرد الصادر عن الشاهد أو الخبير.

2- يجب أن يتضمن الطلب أو الاستدعاء في الحالة المنصوص عليها في الفقرة 1 من هذه المادة، مبلغا تقريبيا للتعويضات التي ينبغي دفعها وكذا التعويضات عن مصاريف السفر والإقامة. يمكن عند الاقتضاء، أن يستلم الشاهد عن طريق السلطات القنصلية للطرف الطالب، تسبيقا لجزء من المصاريف المتعلقة بالسفر أو مجملها.

3- كل شاهد أو خبير، مهما كانت جنسيته، يتم استدعاؤه من قبل أحد الطرفين ويمثل بإرادته أمام الجهات القضائية للطرف الآخر، لا يمكن متابعته أو حبسه من أجل أفعال أو تنفيذا لأحكام سابقة لمغادرته إقليم الطرف المطلوب منه التعاون.

4- غير أن هذه الحصانة تنتهي بعد خمسة عشرة (15) يوما من تاريخ سماعه إذا لم يغادر الشاهد أو الخبير إقليم الطرف الطالب وكان بإمكانه القيام بذلك.

5- إن الشاهد أو الخبير الذي لا يمتثل للتكليف بالحضور الذي طلب تسليمه له أو سلم له تطبيقا لهذه الاتفاقية، لا يتعرض لأي عقاب أو إجراء ردعي، حتى وإن اشتمل هذا التكليف على أوامر.

المادة 9
التحويل المؤقت للأشخاص المحبوسين

1- بناء على طلب الطرف الطالب و إذا وافق كل من الطرف المطلوب منه التعاون والشخص المحبوس، يحوّل إلى إقليم الطرف الطالب هذا الشخص المتواجد في إقليم الطرف المطلوب منه التعاون إذا اعتبر مثوله الشخصي بصفة شاهد أو للمساعدة في إجراء جزائي، ضروريا.

2- لأغراض هذه المادة :

أ- يبقى الشخص الذي تم تحويله رهن الحبس في إقليم الطرف الطالب، إلا إذا سمح الطرف المطلوب منه التعاون بالإفراج عنه.

ب- يجب على الطرف الطالب إعادة الشخص الذي تم تحويله إلى الطرف المطلوب منه التعاون بمجرد أن تسمح الظروف بذلك.

ج- في حالة ما إذا انقضت مدة عقوبة الشخص الذي تم تحويله بينما هو متواجد لدى الطرف الطالب طبقا لهذه المادة، يفرج عنه ويعامل وفقا لأحكام المادة 8 من هذه الاتفاقية.

د- يعتد بالمدة التي قضاها الشخص المحول في سجن الطرف الطالب، عند حساب تنفيذ العقوبة المسلطة عليه من قبل الطرف المطلوب منه التعاون.

المادة 10
الإعفاء من التصديق

تعفى الوثائق والمستندات المقدمة تطبيقا لهذه الاتفاقية من أي شكل من أشكال التصديق، غير أنه يجب أن يضفى عليها التوقيع والختم الرسمي للسلطة المؤهلة لإصدارها.

المادة 11
تسليم العقود القضائية

1- يقوم الطرف المطلوب منه التعاون، طبقا لتشريعه، بتسليم العقود التي أرسلت إليه لهذا الغرض من قبل الطرف الطالب.

2- يرسل طلب تسليم كل وثيقة، تطلب مثول الشخص إلى الطرف المطلوب منه التعاون في مدة لا تقل عن ستين (60) يوما قبل التاريخ المحدد للمثول. وفي حالة الاستعجال، يمكن للطرف المطلوب منه التعاون التخلي عن شرط الأجل.

3- يقوم الطرف المطلوب منه التعاون بتسليم الوثائق طبقا لتشريعه الوطني. إذا طلب الطرف الطالب ذلك صراحة، وفي حدود ما يسمح به تشريعه، يقوم الطرف المطلوب منه التعاون بتنفيذ الطلب حسب الشكل المطلوب من قبل الطرف الطالب.

4- يرسل الطرف المطلوب منه التعاون إلى الطرف الطالب دليل تبليغ الوثائق، الذي يبين فعل وشكل وتاريخ التسليم، عند الاقتضاء، يجوز أن يأخذ شكل وصل مؤرخ وموقع من المرسل إليه وإذا تعذر التسليم يتم إعلام الطرف الطالب في أقرب الآجال مع ذكر الأسباب التي حالت دون التسليم.

المادة 12
التفتيش والحجز

1- يقوم الطرف المطلوب منه التعاون، ما لم يتعارض ذلك مع تشريعه وشريطة الحفاظ على حقوق الغير حسن النية، بتنفيذ طلبات التفتيش و الحجز وتسليم الأشياء إلى الطرف الطالب بناء على طلب هذا الأخير للحصول على أدلة إثبات.

2- يمتثل الطرف الطالب لأي شرط يفرضه الطرف المطلوب منه التعاون، فيما يتعلق بالوثائق والأشياء المحجوزة والمسلمة إلى الطرف الطالب.

المادة 13
إرجاع الأشياء أو الملفات أو الوثائق إلى الطرف المطلوب منه التعاون

تعاد الأشياء بما فيها الملفات أو الوثائق الأصلية المقدمة للطرف الطالب، تطبيقا لهذه الاتفاقية، في أقرب وقت ممكن، للطرف المطلوب منه التعاون إلا إذا تخلى هذا الأخير عن حقه في ذلك.

المادة 14
التعاون في إطار إجراءات التجميد أو الحجز والمصادرة

1- يتبادل الطرفان التعاون خلال الإجراءات المتعلقة بالتعرف على عائدات الجريمة ووسائل ارتكابها وتحديد مكانها وتجميدها أو حجزها ومصادرتها طبقا للقانون الوطني للطرف المطلوب منه التعاون.

2- ينبغي أن يتضمن طلب التعاون المتعلق بإجراءات التجميد أو الحجز والمصادرة علاوة على الأحكام المنصوص عليها في المادة 3 أعلاه، البيانات التالية:

أ- معلومات حول الممتلكات التي تم تقديم طلب التعاون بشأنها.

ب- مكان تواجد الممتلكات.

ج- العلاقة بين الممتلكات والجرائم، إن وجدت.

د- معلومات حول ما للغير من مصالح في الممتلكات.

هـ - نسخة طبق الأصل عن قرار التجميد أو الحجز أو القرار النهائي للمصادرة الصادر عن الجهة القضائية.

3- لا يمس أي بند من هذه المادة بحقوق الغير حسن النية.

المادة 15
استرداد الأموال

1- إذا ارتكبت جريمة وصدرت إدانة في إقليم الطرف الطالب، يمكن رد الأموال المحجوزة من قبل الطرف المطلوب منه التعاون إلى الطرف الطالب بغرض المصادرة، طبقا للقانون الوطني للطرف المطلوب منه التعاون.

2- لا يمس أي بند من هذه المادة بحقوق الغير حسن النية.

3- يتم الاسترداد فور صدور حكم نهائي في إقليم الطرف الطالب.

المادة 16
تحويل الأموال العمومية المختلسة

1- إذا قام الطرف المطلوب منه التعاون بحجز أو مصادرة أموال عمومية، كانت أو لم تكن محلا للتبييض، تم اختلاسها من الطرف الطالب. يسلم الطرف المطلوب منه التعاون إلى الطرف الطالب، الأموال المحجوزة أو المصادرة بعد أن تقتطع منها تكاليف التنفيذ.

2- يتم التحويل فور صدور حكم نهائي في إقليم الطرف الطالب.

المادة 17
مصاريف التعاون القضائي

1- يتحمل الطرف المطلوب منه التعاون كل المصاريف العادية المتعلقة بتنفيذ طلب التعاون القضائي باستثناء التكاليف التالية التي يتحملها الطرف الطالب:

أ- المصاريف المتعلقة بنقل كل شخص من وإلى إقليم الطرف المطلوب منه التعاون وكذا كل التعويضات أو المصاريف المستحقة لهذا الشخص خلال تواجده في الطرف الطالب تبعا لطلب قدم طبقا للمادتين 8 أو9 من هذه الإتفاقية.

ب- مصاريف الخبراء.

2- إذا تبين خلال تنفيذ الطلب، أن التنفيذ يستدعي نفقات ذات طبيعة استثنائية، ينبغي على الطرفين التشاور فيما بينهما لتحديد القواعد والشروط التي يمكن أن تتم وفقها متابعة تنفيذ الطلب.

المادة 18
تبادل المعلومات القضائية

تتبادل السلطتان المركزيتان للطرفين، بناء على طلب، الأحكام القانونية المتعلقة بالمواد الجزائية والمعلومات القضائية بخصوص الجرائم التي يتعلق بها تطبيق هذه الإتفاقية.

المادة 19
لغات المخاطبة

تحرر طلبات التعاون القضائي وكذا الوثائق والمستندات المدعمة لها بلغة الطرف الطالب وترفق بترجمة إلى لغة الطرف المطلوب منه التعاون أو إلى اللغة الفرنسية.

المادة 20
العلاقة مع اتفاقات أخرى

لا تمس هذه الاتفاقية بأي التزامات ناجمة عن معاهدات أو اتفاقات أخرى وقعها الطرفان.

المادة 21
التـــشـــاور

يتشاور الطرفان فورا، بطلب من أحدهما، فيما يخص تفسير أو تطبيق هذه الإتفاقية سواء بشكل عام أو فيما يتعلق بحالة خاصة.

المادة 22
التطبيق

تطبق الطلبات المقدمة تطبيقا لهذه الإتفاقية أيضا على الجرائم المرتكبة قبل دخولها حيز التنفيذ.

المادة 23
التصديق والدخول حيز التنفيذ

1- يصدّق على هذه الاتفاقية طبقا للأحكام الدستورية السارية في كل طرف. وتدخل حيز التنفيذ ثلاثين (30) يوما من تبادل أدوات التصديق.

2- تبقى هذه الإتفاقية سارية المفعول لمدة غير محددة.

المادة 24
التعديل والنقض

1- يمكن تعديل هذه الإتفاقية، ويسري مفعول التعديلات حسب نفس شروط الإتفاقية.

2- يجوز لأي من الطرفين نقض هذه الإتفاقية في أي وقت عن طريق توجيه تبليغ إلى الطرف الآخر عبر الطريق الدبلوماسي، يسري مفعول النقض بعد ستة(6) أشهر من تاريخ تبليغ الطرف الآخر بهذا القرار.

إثباتا لذلك، وقع مفوضا الدولتين قانونا على هذه الاتفاقية.

حرر بالجزائر في 14 أفريل 2010 من نسختين أصليتين باللغات الفيتنامية والعربية والفرنسية، للنصوص الثلاثة نفس القوة القانونية. وفى حالة الإختلاف في التفسير،يؤخذ النص الفرنسي بعين الإعتبار.

عن حكومة جمهورية فيتنام الاشتراكية

ها هونغ كوونغ

وزير العدل

عن حكومة الجمهورية الجزائرية الديمقراطية الشعبية

الطيب بلعيز

وزير العدل، حافظ الأختام